

Bản án số: 361/2017/HSST

Ngày: 20/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang

2. Bà Lê Thị Nhung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Trung Hiếu- Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trương Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 09 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 468/2017/HSST ngày 18 tháng 08 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Tăng Thoại N (tên gọi khác là: “Nguyễn Văn D”, “V”); Sinh ngày 20/10/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số A1 BCD, phường CL, Quận T7, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình Độ văn hóa: 01/12; Con ông Huỳnh Ngọc L- sinh năm 1955 và bà Võ Thị N (chết); Tiền sự: Không; Tiền án: Có hai tiền án gồm: Theo Bản án số 1236/HSST ngày 28/7/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 15/11/2007 chấp hành xong hình phạt tù và theo Bản án số 105/2009/HSST ngày 16/6/2009 của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 11/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 11/10/2016 đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Lâm Xuân T; Sinh ngày 09/7/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số A8, BBĐ, phường J7, Quận S9, Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: Phòng số T1, nhà số D2, ấp K, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình Độ văn hóa: 5/12; Con ông Lâm Xuân X- sinh năm 1964 và Trương Thúy H- sinh năm 1966; Vợ là Lê Thị Bích L- sinh năm 1984; Con là Lê Thị Yến T- sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 11/10/2016 đến nay có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Bà Ho Chung Man S, sinh ngày 08/8/1981.

Thường trú: Hong Kong- Trung Quốc

Tạm trú: Khách sạn TX, phường BT, Quận T7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Chí H, sinh năm 1994.

Trú tại: Số N8 TĐ, phường S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30' ngày 11/10/2016 Lâm Xuân T điều khiển xe mô tô Wave hiệu Honda, biển số 59C1-137.71 chở Tăng Thoại N cùng đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Khi tới khu vực ngã tư Hoàng Diệu và Đoàn Văn Bơ, thì N phát hiện bà Ho Chung Man S (quốc tịch Trung Quốc) cùng ông Quentin D (quốc tịch Pháp) đang đi bộ băng qua đường, trên vai chị S có đeo một giỏ xách màu nâu, liền rủ T giật giỏ túi xách của bà S. T đồng ý và điều khiển xe áp sát bà S để N ngồi sau dùng tay phải giật giỏ xách của bà S rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Vân Đồn. Lúc này có anh Hà Hoàng K chở anh Nguyễn Hữu P chứng kiến vụ cướp giật nên đã truy đuổi liên tục, đến trước nhà số 375 Tôn Đức, phường 15, Quận 4 thì đuổi kịp và bắt giữ được T, N cùng tang vật, giao Công an phường 12, Quận 4 lập biên bản phạm tội quả tang. Trong lúc tẩu thoát, biển số xe 59C1 bị rơi mất, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Theo kết luận định giá số 261/TCKH- HĐĐG ngày 12/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản theo tố tụng hình sự quận 4 thì giá các tài sản cụ thể như sau: 01(một) giỏ xách da màu nâu có hai dây đeo bị đứt (sau khi bị cướp giật) đã qua sử dụng có giá trị 700.000đồng; 01(một) bóp cá nhân màu nâu nhạt hiệu Furla, đã qua sử dụng có giá trị 540.000đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 6 Plus 16GB màu xám, đã qua sử dụng có giá trị 10.000.000đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Note 3, màu đen đã qua sử dụng, có giá trị là 2.000.000đồng; 65 USD (sáu mươi năm đô la Mỹ) gồm (03 tờ 20 USD và 01 tờ 5 USD) có giá trị quy ra tiền Việt Nam là 1.451.450đồng; 380 (ba trăm tám mươi) đô la Hồng Kông (gồm 03 tờ 100HKD và 04 tờ 20HKD) có giá trị quy ra tiền Việt Nam là 1.099.340 đồng; Tổng cộng giá trị định giá là 15.793.790đồng, cùng với số tiền Việt Nam đông là 197.000đồng, thì tổng giá trị các bị cáo cướp giật là 15.990.790đồng.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ bao gồm:

+ 01 xe mô tô hiệu Wave hiệu Honda, không biển số, số máy HC12E-2937730, số khung RLHHC120XBY137609 (có số khung, số máy qua giám định là nguyên thủy không thay đổi) do ông Trần Hải Q, ngụ tại X6 TĐ, phường

S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe. Ngày 06/11/2015, ông Q đã bán chiếc xe trên cho ông Nguyễn Chí H, ngụ tại N8 TĐ, phường S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng công chứng Bến Nghé. Ông H cho N mượn xe đi chở quần áo từ chợ qua cầu Phú Xuân, huyện Nhà Bè bán. Ông H không biết N dùng xe trên đi cướp giật tài sản nên Nguyễn Chí H có yêu cầu được nhận lại xe.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar thu giữ của T và 01 điện di động nokia 6300 mà vàng thu giữ của N.

+ 01(một) giỏ xách da màu nâu có hai dây đeo bị đứt (sau khi bị cướp giật) đã qua sử dụng; 01(một) bóp cá nhân màu nâu nhạt hiệu Furla, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 6 Plus 16GB màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Note 3, màu đen đã qua sử dụng; 65 USD (sáu mươi đô la Mỹ) gồm 03 tờ 20 USD và 01 tờ 5 USD; 380 (ba trăm tám mươi) đô la Hồng Kông gồm 03 tờ 100HKD và 04 tờ 20HKD; số tiền Việt Nam đồng là 197.000đồng; 01 thẻ căn cước Hong Kong và 01 thẻ căn cước Trung Quốc mang tên mang tên Ho Chung Man S Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà S theo Biên bản trả lại tài sản ngày 12/10/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Ho Chung Man S đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác. Nguyễn Chí H ngoài yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên thì không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 335/CT- VKS- P2, ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Tăng Thoại N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Truy tố Lâm Xuân T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại, đối với xã hội, sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T đã đề nghị tuyên bố các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, đối với bị cáo Tăng Thoại N áp dụng tại điểm c, d khoản 2, Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 với mức hình phạt từ 06 năm đến 07 năm tù và đối với Lâm Xuân T áp dụng điểm d khoản 2, Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 với mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ vì các bị cáo đã rất hối hận với hành vi của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T đã khai báo là phù hợp lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, cũng như các chứng cứ khác đã khẳng định được hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Do lười lao động nên khoảng 19 giờ 30' ngày 11/10/2016 Lâm Xuân T điều khiển xe mô tô Wave hiệu Honda, biển số 59C1-137.71 chở Tăng Thoại N cùng đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Khi tới khu vực ngã tư Hoàng Diệu và Đoàn Văn Bơ, thì N phát hiện bà Ho Chung Man S (quốc tịch Trung Quốc) cùng ông Quentin D (quốc tịch Pháp) đang đi bộ băng qua đường, trên vai chị S có đeo một giỏ xách màu nâu, liền rủ T giật giỏ túi xách của bà S. T đồng ý và điều khiển xe áp sát bà S để N ngồi sau dùng tay phải giật giỏ xách của bà S rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Vân Đồn và bị truy đuổi, rồi các bị cáo N và T bị bắt quả tang (giỏ túi xách của bà S có tổng giá trị theo định giá quy ra Việt Nam đồng là 15.990.790đồng). Trước khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản với sự khởi xướng của bị cáo N mà bị cáo T đã hưởng ứng, rồi cùng thực hiện, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản các bị cáo có đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Trong khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo đang chạy xe mô tô đang lưu thông để cướp giật của người bị hại, đây là hành vi có thể gây thương tích, nguy hại đến tính mạng người bị hại, cũng như những người tham gia giao thông khác, nên thuộc trong trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, mặt khác bị cáo N có hai tiền án theo bản án số 1236/HSST ngày 28/7/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 15/11/2007 chấp hành xong hình phạt tù và bản án số 105/2009/HSST ngày 16/6/2009 của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” đến ngày 11/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù, được trả tự do là thuộc trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo Tăng Thoại N đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 và hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Xuân T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*”, cũng như mức hình phạt theo điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu của công dân về mặt tài sản như các bị cáo đã

công khai tiếp cận tài sản, bằng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt nhanh chóng tài sản một cách bất hợp pháp mà chủ sở hữu không kịp có khả năng bảo vệ tài sản của mình. Việc phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ, nhất là phạm tội đối với người nước ngoài làm ảnh hưởng đến hình ảnh của đất nước, cũng như ảnh hưởng đến tư tưởng của người nước ngoài khi đến công tác, du lịch tại Việt nam, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo ngại trong quần chúng nhân dân và dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến việc lưu thông trên đường.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với các hành vi phạm tội mà mình đã gây ra nêu trên, tài sản mà các bị cáo đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Trên đây là các tình tiết để làm cơ sở để Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo và cũng là cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có nhân thân xấu, nhất là bị cáo N có nhân thân rất xấu đã từng bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử 05 lần về tội cướp giật tài sản, trong đó có hai bản án số 22/HSST ngày 26/01/1994 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản công dân” đến ngày 20/11/1995 chấp hành xong hình phạt tù và bản án số 915/HSST ngày 14/05/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản công dân” đến ngày 13/04/2000 chấp hành xong hình phạt tù, do có chính sách hình sự mới, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án, nên Hội đồng xét xử không tính hai bản án này là tiền án đối với bị cáo N như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; ngoài ra bị cáo N còn có 03 lần bị các cấp có thẩm quyền xử lý về hành chính về các hành vi khác nhau. Bị cáo T đã bị xét xử theo bản án số 1081/HSST ngày 08/8/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với mức án 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” ngày 03/8/2007 bị cáo được trả tự do. Điều này đã thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật của các bị cáo.

Do vậy cần thiết phải xử các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương đương với hành vi, tội lỗi, vai trò của từng bị cáo đã gây ra, nhất là bị cáo N và phải buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung, cũng để các bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01(một) giỏ xách da màu nâu có hai dây đeo bị đứt (sau khi bị cướp giật) đã qua sử dụng; 01(một) bóp cá nhân màu nâu nhạt hiệu Furla, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 6 Plus 16GB màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Note 3, màu đen đã qua sử dụng;; 65 USD (sáu mươi năm đô la Mỹ) gồm (03 tờ 20 USD và 01 tờ 5 USD); 380 (ba trăm tám mươi) đô la Hồng Kông (gồm 03 tờ 100HKD và 04 tờ 20HKD); số tiền Việt Nam đồng là 197.000đồng; 01 thẻ căn cước Hong Kong và 01 thẻ căn cước Trung Quốc mang tên mang tên Ho Chung Man S, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà S theo Biên bản trả lại tài sản ngày 12/10/2016. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra là phù hợp với các quy định của pháp luật nên không xét xét và đề cập đến.

- 01 xe mô tô hiệu Wave hiệu Honda, không biển số, số máy HC12E-2937730, số khung RLHHC120XBY137609 (có số khung, số máy qua giám định là nguyên thủy không thay đổi) do ông Trần Hải Q, ngụ tại X6 TĐ, phường S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe. Ngày 06/11/2015, ông Q đã bán chiếc xe trên cho ông Nguyễn Chí H, ngụ tại N8 TĐ, phường S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng công chứng Bến Nghé. Ông H cho N mượn xe đi chở quần áo từ chợ qua cầu Phú Xuân, huyện Nhà Bè bán. Ông H không biết N dùng xe trên đi cướp giật tài sản. Hội đồng xét xử thấy trả lại Nguyễn Chí H chiếc xe trên là phù với các quy định của pháp luật.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobistar thu giữ của T và 01 điện di động nokia 6300 thu giữ của N. Hội đồng xét xử thấy điện thoại trên là để liên lạc trong sinh hoạt gia đình và tại phiên tòa các bị cáo đều không có nguyện vọng nhận lại các điện thoại di động trên, nên Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ là phù với các quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Ho Chung Man S đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí H ngoài yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên, thì không ai có yêu cầu gì khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Tăng Thoại N** (tên gọi khác là: “Nguyễn Văn D”, “V”) và **Lâm Xuân T** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Tăng Thoại N** (tên gọi khác là: “Nguyễn Văn D”, “V”) 05 (năm) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 11/10/2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lâm Xuân T 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 11/10/2016.

- *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Trả lại Nguyễn Chí H 01 xe mô tô hiệu Wave hiệu Honda, không biển số, số máy HC12E- 2937730, số khung RLHHC120XBY137609 (có số khung, số máy qua giám định là nguyên thủy không thay đổi) do ông Trần Hải Q, ngụ tại X6 TĐ, phường S3, Quận A9, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar thu giữ của bị cáo T và 01 (một) điện di động Nokia 6300 màu vàng thu giữ của bị cáo N.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 291/17, ngày 06/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án.

Các bị cáo Tăng Thoại N và Lâm Xuân T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

- *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 20 tháng 9 năm 2017*) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.Hồ Chí Minh; (3)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Các bị cáo; (2)
- Người bị hại; (1)
- Người CQLNVLQ; (1)
- THAHS; (2)
- PC53-CATPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (5)

Đặng Hồng Sơn

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

+Theo Bản án số 22/HSST ngày 26/01/1994 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản công dân” đến ngày 20/11/1995 chấp hành xong hình phạt tù;

+Theo Bản án số 915/HSST ngày 14/05/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản công dân” đến ngày 13/04/2000 chấp hành xong hình phạt tù;